

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 21/11/2017

V/v: Anh Nguyễn Văn T xin ly hôn chị
Nguyễn Thị L

NHÂN DANH

ÑỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Sỹ Khả.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung, ông Viêm Văn Doãn.

Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Th- .

Đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Cao Đăng
Xúng - kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 450/2017/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2017 theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 07 ngày 04 tháng 11 năm 2017 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn T, xã N, TP B, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn T, xã N, TP B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai, phía nguyên đơn trình bày: Anh và chị L kết hôn năm 1991, sau đó mất đăng ký kết hôn và có đăng ký lại vào năm 2014. Anh chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đ- ợc sự đồng ý của cả hai gia đình, sau khi kết hôn anh chị về sống chung cùng bố mẹ anh tại thôn T, xã N, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do cách sống, nhận thức của hai ng- ời khác nhau, có khoảng cách xa về quan điểm, tháng 8/1991 anh đã phải bỏ nhà ra Hà Nội làm thuê, ở nhà cô L mâu thuẫn với hàng xóm, với mẹ chồng, anh đã khuyên giải nhiều nh- ng chị L không nghe mà còn cãi lại, năm 1993 anh cũng đã làm đơn ly hôn nh- ng đ- ợc mọi ng- ời khuyên giải, nghĩ đến con nên anh lại thôi, đến khi sinh cháu thứ hai, chị L tiếp tục gây ra nhiều chuyện, mâu thuẫn với mẹ chồng và hàng xóm, do mọi ng- ời khuyên can nên anh chấp nhận sống nh- vậy, có vợ coi nh- không, năm 2010 khi hai cháu đã lớn, anh đ- a cả gia đình ra Hà Nội sinh sống, nh- ng chị Loan không chịu làm ăn mà chỉ thích nhàn hạ, hay bịa chuyện anh không quan tâm đến con, do mâu thuẫn nên anh và chị L sống ly thân từ năm 2014, lúc anh ở Hà Nội, lúc về quê, tháng 3/2017 anh tổ chức c- ối con lớn, chị L về B ở, anh cũng nghĩ chị L sẽ thay đổi

tâm tính, nh- ng ng- ọc lại chị L làm nhiều việc quá đáng, ảnh h- ờng đến con cái, làm loạn hết cả nhà. Do mâu thuẫn không thể chung sống nên anh xin đ- ợc ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung là Nguyễn Văn T , sinh ngày 17/3/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 21/11/1995. Hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn trình bày: Chị thừa nhận điều kiện kết hôn nh- anh T trình bày là đúng, sau khi kết hôn chị ở nhà chăm lo con cái, anh T đi Hà Nội và các tỉnh khác làm ăn, năm 2010 hai vợ chồng sang Hà Nội sinh sống, lúc đó chị đi làm thuê, đến tháng 9/2016 anh T về T, N thành lập tr- ờng mầm non t- thực Song ngữ A, đến tháng 3/2017 chị về Bắc Ninh c- ới con và vợ chồng cùng ở Nam Sơn cho đến nay, trong cuộc sống, từ khi ở Hà Nội vợ chồng sống vẫn bình th- ờng, trong kinh tế, chi tiêu, chị vẫn lo toan sinh hoạt cho cả gia đình, đến khi chị về quê thấy anh T có thuê một cô hiệu tr- ờng quản lý tr- ờng mầm non, trong cách sống chị cảm nhận và có sự nghi ngờ quan hệ tình cảm với anh T. Trong kinh tế anh T bất minh, không công khai vợ chồng cùng biết, chị tham gia góp ý đều không đ- ợc, chị không biết việc kinh doanh thế nào nên vợ chồng có nói nhau về cách thức quản lý, do anh T ít nói nên vợ chồng không cãi nhau nhiều, trong sinh hoạt vợ chồng không có gì thay đổi, cả gia đình vẫn ăn uống chung, nói chuyện bình th- ờng, đến tháng 7/2017 chở về sau chị vẫn cơm n- ớc cho cả gia đình nh- ng anh T không ăn cùng mọi ng- ời mà ăn sau. Trong gia đình các thành viên ai cũng quan tâm đến anh T nh- ng anh T cứ xa dần mọi ng- ời, khi anh T làm đơn xin ly hôn chị và các con cũng đã góp ý nhiều, các cháu van xin và không ai muốn cho anh T xin ly hôn nên mọi ng- ời rất phản đối vì không có mâu thuẫn gì. Nay chị thấy tình cảm vẫn còn, anh T xin ly hôn chị không đồng ý.

Về con chung: Nh- anh T trình bày là đúng, các cháu đã lớn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có phải ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ: Chị ch- a đồng ý ly hôn nên không có ý kiến hay quan điểm gì về tài sản chung, công nợ.

Tòa án tiến hành hòa giải nh- ng các đ- ợng sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Phân tranh luận: Anh T đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Xin đ- ợc ly hôn với chị L vì vợ chồng không còn tình cảm, sống ly thân đã lâu, tháng 9/2017 vợ chồng lại mâu thuẫn đánh nhau. Về con chung, tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chị L cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn về tình cảm, nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết vì các con của chị đã đủ tuổi tr- ờng thành. Về tài sản, công nợ: Chị không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết, nếu Tòa án cho ly hôn thì chị yêu cầu tòa án giải quyết, lúc đó chị trình bày cụ thể sau.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành

pháp luật của ng-ời tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về đ-ờng lối giải quyết: áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh T đ-ợc ly hôn với chị L. Về con chung: Các cháu đã trên 18 tuổi, anh T chị L không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Không đề cập giải quyết trong vụ án này, mà giải quyết trong vụ án khác khi các đ-ợng sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ trong vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Văn T, chị Phan Thị L kết hôn năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, do mất đăng ký kết hôn nên ngày 26/5/2014 anh T và chị L đi đăng ký kết hôn lại tại UBND xã N. Sau khi kết hôn anh T, chị L ở chung cùng gia đình anh T tại T, N, đến năm 2010 anh chị ra Hà Nội sinh sống, tháng 3/2017 anh T, chị L về thôn T sinh sống cho đến nay. Quá trình làm việc, Tòa án đã thu thập chứng cứ chứng minh về mâu thuẫn của anh T chị L. Tại phiên tòa chị L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau, tháng 9/2017 vợ chồng có xô sát nh-ng sau đó vợ chồng bình th-ờng, những mâu thuẫn đó không ảnh h-ởng đến tình cảm vợ chồng. Theo lời trình bày của ng-ời thân trong gia đình anh Thắng thấy: Trong cuộc sống giữa chị L và mẹ chồng và những thành viên trong gia đình anh T không đ-ợc hài hòa nên anh T chị L đã ở riêng, mọi ng-ời ít chuyện trò với chị L, trong cuộc sống về tình cảm thì mọi ng-ời ch-a bao giờ đ-ợc nghe anh T chị L nói chuyện về mâu thuẫn của vợ chồng nên trong gia đình ch-a bao giờ phải can thiệp, hòa giải. Các con của anh T chị L là những ng-ời sống trực tiếp cùng anh T chị L cũng xác nhận, anh T chị L không có mâu thuẫn gì lớn về tình cảm và đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Với những nhận định trên thấy mâu thuẫn về tình cảm giữa anh T chị L ch-a đến mức vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, ch-a bị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc. Do vậy anh T xin ly hôn chị L là không có căn cứ, cần bác yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị L.

Về con chung: Anh Tg chị L có 2 con chung là Nguyễn Văn T , sinh ngày 17/3/1992 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 21/11/1995. Hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, anh T chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh T chị L không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Tòa án không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147, 177, 227, 228,250, 254, 260, 261,262, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử Bác đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T xin ly hôn chị Phan Thị L

- Về con chung: Anh T chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, công nợ: Anh T chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí theo biên lai số AA/2013/01927 ngày 29/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự B.

Các đ-ong sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;

- VKSND TP B

- THADS TP B;

- Các đ-ong sự.

- L- u hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Khả

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TP Bắc Ninh;
- THADS TP Bắc Ninh;
- Các đ-ơng sự.
- L- u hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Hiến Viêm Văn Doãn

